

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KTCB:

ÔN TẬP GIỮA HKI

Bài 3. Trái đất. Thuyết kiến tạo mảng

- Trình bày được nguồn gốc hình thành của Trái Đất, đặc điểm của vỏ Trái Đất và các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng.

Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái đất

- Phân tích (kết hợp sử dụng hình vẽ, lược đồ) được hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất: chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên trái đất); chuyển động quanh mặt trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).
- Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.

Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái đất

- Trình bày được khái niệm Thạch quyển, phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của nội lực và tác động của nội lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.
- Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên Trái Đất.

Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất

- Trình bày khái niệm, nguyên nhân của ngoại lực và tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.
- Phân tích được lược đồ, sơ đồ, tranh ảnh về tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

Bài 7. Khí quyển và nhiệt độ không khí

- Trình bày được khái niệm khí quyển.
- Trình bày sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ, lục địa, đại dương, địa hình.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về nhiệt độ.
- Giải thích được một số hiện tượng về thời tiết và khí hậu trong thực tế.

ÔN TẬP CUỐI HKI

Bài 8. Khí áp, gió và mưa

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.
- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới.
- Phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về khí áp, gió, mưa.

Bài 9. Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu.

- Đọc được bản đồ các đới khí hậu và kiểu khí hậu trên Trái Đất.
- Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.
- Xác định được tên các đới và kiểu khí hậu của Việt Nam và một số nước khác trên thế giới.
- Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.

Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa

- Nêu được khái niệm thủy quyển.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.
- Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.
- Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.
- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.
- Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.

Bài 11. Nước biển và đại dương

- Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.
- Giải thích được hiện tượng sóng biển và thủy triều.
- Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.
- Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Bài 12. Đất và sinh quyển

- Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hóa và đất; trình bày được các nhân tố hình thành đất.
- Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.

Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên Trái Đất

- Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh

- Trình bày được khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ thực tế ở địa phương.
- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới

- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và quy luật phi địa đới; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.

B. LUYỆN TẬP:

ÔN TẬP GIỮA HKI PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN.

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.

Câu 1: Vỏ Trái Đất trong quá trình thành tạo bị biến dạng do các đứt gãy và tách nhau ra thành một số đơn vị kiến tạo. Mỗi đơn vị kiến tạo được gọi là

- A. mảng kiến tạo. B. mảng lục địa. C. mảng đại dương. D. vỏ trái đất.

Câu 2: Mảng kiến tạo nào sau đây toàn là vỏ đại dương?

- A. Mảng Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a. B. Mảng Thái Bình Dương.
C. Mảng Phi. D. Mảng Nam Mỹ.

Câu 3: Nội dung nào sau đây **không** đúng với thuyết kiến tạo mảng?

- A. Thạch quyển được cấu tạo bởi 7 mảng lớn và một số mảng nhỏ.
B. Tất cả các mảng kiến tạo gồm cả phần lục địa và đáy đại dương.
C. Vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo là những vùng bất ổn định của vỏ Trái đất.
D. Các mảng kiến tạo, nổi trên lớp vật chất quán dẻo thuộc tầng trên của lớp Manti.

Câu 4: Nơi tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo sẽ thường xuất hiện

- A. động đất, núi lửa. B. bão. C. ngập lụt. D. thủy triều dâng.

Câu 5: Dây núi Hi - ma - lay - a được hình thành do

- A. mảng Bắc Mỹ xô vào mảng Âu - Á. B. mảng Phi xô vào mảng Âu - Á.
C. mảng Thái Bình Dương xô vào mảng Âu - Á. D. mảng Ấn Độ - Ôxtrây-li-a xô vào mảng Âu - Á.

Câu 6: Đường chuyển ngày quốc tế được lấy theo kinh tuyến nào?

- A. 0°. B. 180°. C. 90°T. D. 90°Đ.

Câu 7: Các địa điểm thuộc các kinh tuyến khác nhau sẽ có giờ khác nhau gọi là

- A. giờ múi. B. giờ địa phương. C. giờ quốc tế. D. giờ GMT.

Câu 8: Giờ quốc tế được tính theo múi giờ số mấy?

- A. Múi giờ số 0. B. Múi giờ số 6. C. Múi giờ số 12. D. Múi giờ số 18.

Câu 9: Giờ Mặt Trời còn được gọi là giờ

- A. địa phương. B. khu vực. C. múi. D. GMT.

Câu 10: Hà Nội vào mùa hạ có ngày dài hơn ngày ở TP. Hồ Chí Minh do

- A. gần biển hơn. B. gần chí tuyến hơn. C. đô thị phát triển hơn. D. địa hình cao hơn.

Câu 11: Theo quy ước, nếu đi từ tây sang đông qua đường chuyển ngày quốc tế thì

- A. tăng thêm một ngày lịch. B. lùi lại một ngày lịch.
C. tăng thêm hai ngày lịch. D. lùi lại hai ngày lịch.

Câu 12: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất đem lại những hệ quả chính nào sau đây?

- A. Các mùa trong năm, giờ trên Trái Đất.
B. Luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất.
C. Giờ trên Trái Đất và ngày đêm dài ngắn khác nhau.

- D.** Ngày đêm dài ngắn khác nhau, các mùa trong năm.
- Câu 13:** Nguyên nhân nào là chủ yếu sinh ra hiện tượng ngày, đêm luân phiên ở mọi nơi trên Trái Đất?
- A.** Trái Đất có hình khối cầu và tự quay quanh trục.
B. Trái Đất tự quay quanh Mặt Trời và có hình tròn.
C. Trái Đất có hình khối cầu và tự quay quanh Mặt Trời.
- Câu 14:** Trong khi bán cầu Bắc đang là mùa đông thì ở bán cầu Nam là
- A.** mùa xuân. **B.** mùa hạ. **C.** mùa thu. **D.** mùa đông.
- Câu 15:** Vào ngày nào trong năm thì bán cầu Bắc có ngày dài nhất và đêm ngắn nhất?
- A.** 21/3. **B.** 23/9. **C.** 22/6. **D.** 22/12.
- Câu 16:** Kinh tuyến nằm giữa múi giờ số +7 là
- A.** 75°Đ. **B.** 75°T. **C.** 105°Đ. **D.** 105°T.
- Câu 17:** Nơi nào trên Trái Đất quanh năm có độ dài của ngày và đêm luôn bằng nhau?
- A.** Vùng cực. **B.** Hai cực. **C.** Chí tuyến. **D.** Xích đạo.
- Câu 18:** Vào ngày 22/12, vòng cực Bắc sẽ có hiện tượng nào sau đây?
- A.** Ngày dài 24 giờ. **B.** Đêm dài 24 giờ. **C.** Ngày dài đêm ngắn. **D.** Ngày dài bằng đêm.
- Câu 19:** Vùng nào sau đây trên Trái Đất đón Giáng sinh Noel (25 tháng 12) toàn là đêm, mà không có ngày?
- A.** Xích đạo. **B.** Chí tuyến Bắc, Nam. **C.** Cực Bắc. **D.** Cực Nam.
- Câu 20:** Khi Việt Nam là 18h30' thì ở Matxcova (múi giờ 3) là mấy giờ?
- A.** 12h30'. **B.** 13h30'. **C.** 14h30'. **D.** 15h30'.
- Câu 21:** Khi Luân Đôn đang đón giao thừa thì lúc đó Việt Nam là mấy giờ?
- A.** 6 giờ. **B.** 7 giờ. **C.** 17 giờ. **D.** 19 giờ.
- Câu 22:** Khi ở khu vực giờ gốc là 5 giờ sáng, thì ở Việt Nam lúc đó là mấy giờ?
- A.** 4 giờ sáng. **B.** 12 giờ trưa. **C.** 7 giờ tối. **D.** 12 giờ đêm.
- D.** Trái Đất tự quay quanh trục hết 24 giờ và có hình tròn.
- Câu 23:** Cho tục ngữ sau:
- “Đêm tháng năm, chưa nằm đã sáng
 Ngày tháng mười, chưa cười đã tối”.*
- Câu tục ngữ trên phản ánh đúng hiện tượng đêm tháng năm, ngày tháng mười ở khu vực
- A.** xích đạo. **B.** nửa cầu Bắc (trừ vòng cực đến cực).
C. hai cực. **D.** Nửa cầu Nam (trừ vòng cực đến cực).
- Câu 24:** Theo quy định, những người sống ở múi giờ nào chuyển sang một ngày mới đầu tiên trên Trái Đất?
- A.** Múi giờ số 0. **B.** Múi giờ số 6. **C.** Múi giờ số 12. **D.** Múi giờ số 18.
- Câu 25:** Vào giờ nào ở Việt Nam thì tất cả các địa điểm trên Trái Đất có cùng một ngày lịch?
- A.** 0h. **B.** 7h. **C.** 19h. **D.** 23h.
- Câu 26:** Thạch quyển được hợp thành bởi lớp vỏ Trái Đất và
- A.** phần trên của lớp Man-ti. **B.** phần dưới của lớp Man-ti.
C. nhân ngoài của Trái Đất. **D.** nhân trong của Trái Đất.
- Câu 27:** Giới hạn thạch quyển ở độ sâu khoảng
- A.** 50 km. **B.** 100 km. **C.** 150 km. **D.** 200 km.
- Câu 28:** Nội lực là lực phát sinh từ
- A.** bên trong Trái Đất. **B.** bên ngoài Trái Đất. **C.** bức xạ của Mặt Trời. **D.** nhân của Trái Đất.
- Câu 29:** Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là do
- A.** sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B.** sự dịch chuyển các dòng vật chất.
C. các phản ứng hoá học khác nhau. **D.** bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.
- Câu 30:** Hiện tượng đứt gãy thường xảy ra ở nơi nào sau đây?
- A.** Đất đá có độ dẻo cao. **B.** Đất đá có độ cứng cao.
C. Nơi có hoạt động động đất. **D.** Tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo.
- Câu 31:** Địa hào, địa lũy là kết quả của
- A.** sự bồi đắp phù sa. **B.** hiện tượng đứt gãy.
- Câu 32:** Sông nào sau đây ở Việt Nam chảy trên một đứt gãy kiến tạo?
- A.** Hồng. **B.** Cả. **C.** Thu Bồn. **D.** Đồng Nai.

- Câu 33:** Núi lửa được sinh ra khi
 A. hai mảng kiến tạo tách xa nhau. B. xảy ra động đất có cường độ cao.
 C. sự phân huỷ các chất phóng xạ. D. có vận động nâng lên, hạ xuống.
- Câu 34:** Dãy núi con Voi ở tả ngạn sông Hồng là dạng địa hình nào sau đây do hiện tượng đứt gãy tạo nên?
 A. Núi lửa. B. Núi uốn nếp. C. Địa lũy. D. Địa hào.
- Câu 35:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho Nhật Bản thường xuyên xảy ra động đất và núi lửa là do
 A. nằm ở vị trí tiếp xúc giữa các mảng kiến tạo. B. nằm ở vị trí tiếp xúc giữa lục địa và đại dương.
 C. là một quần đảo nằm trong Thái Bình Dương. D. nằm ở nơi gặp gỡ giữa dòng biển nóng và lạnh.
- Câu 36:** Nguồn năng lượng sinh ra ngoại lực chủ yếu là của
 A. sự phân huỷ các chất phóng xạ. B. sự dịch chuyển các dòng vật chất.
 C. các phản ứng hoá học khác nhau. D. bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.
- Câu 37:** Các quá trình ngoại lực bao gồm
 A. phong hoá, nâng lên, vận chuyển, bồi tụ. B. phong hoá, bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ.
 C. phong hoá, hạ xuống, vận chuyển, bồi tụ. D. phong hoá, uốn nếp, vận chuyển, bồi tụ.
- Câu 38:** Quá trình phong hoá xảy ra là do tác động của sự thay đổi
 A. nhiệt độ, nước, sinh vật. B. sinh vật, nhiệt độ, đất.
 C. đất, nhiệt độ, địa hình. D. địa hình, nước, khí hậu.
- Câu 39:** Bóc mòn là quá trình
 A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
 C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- Câu 40:** Vận chuyển là quá trình
 A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
 C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- Câu 41:** Bồi tụ là quá trình
 A. chuyển dời các vật liệu khỏi vị trí của nó. B. di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.
 C. tích tụ (tích lũy) các vật liệu đã bị phá huỷ. D. phá huỷ và làm biến đổi tính chất vật liệu.
- Câu 42:** Đồng bằng châu thổ sông là kết quả trực tiếp của quá trình
 A. phong hoá. B. vận chuyển. C. bồi tụ. D. bóc mòn.
- Câu 43:** Những ngọn đá sót hình nấm thuộc địa hình
 A. mài mòn. B. băng tích. C. bồi tụ. D. thổi mòn.
- Câu 44:** Hàm ếch sóng vỗ thuộc địa hình
 A. mài mòn. B. băng tích. C. bồi tụ. D. thổi mòn.
- Câu 45:** Dạng địa hình nào sau đây được xem là kết quả của quá trình phong hoá hoá học là chủ yếu?
 A. Bậc thềm sóng vỗ. B. Bán hoang mạc. C. Hang động đá vôi. D. Địa hình phi-o.
- Câu 46:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho phong hoá lí học xảy ra mạnh ở các miền khí hậu khô nóng?
 A. Nhiệt độ trung bình năm cao. B. Biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn.
 C. Lượng mưa trung bình năm nhỏ. D. Thảm thực vật rất nghèo nàn.
- Câu 47:** Nguyên nhân nào sau đây làm cho phong hoá lí học xảy ra mạnh ở miền khí hậu lạnh?
 A. Nhiệt độ trung bình năm thấp. B. Biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn.
 C. Lượng mưa trung bình năm nhỏ. D. Nước thường hay bị đóng băng.
- Câu 48:** Những cánh đồng giữa núi của nước ta ở Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình được hình thành do quá trình
 A. xâm thực bởi băng hà. B. xâm thực bởi nước chảy trên mặt.
 C. sự vận động nâng lên của địa hình hai bên. D. thổi mòn do gió.
- Câu 49:** Các hang động ở vịnh Hạ Long nước ta là kết quả của quá trình phong hóa nào?
 A. vật lí. B. sinh học. C. hóa học. D. vật lí, sinh học.
- Câu 50:** Hang động Phong Nha - Kẻ Bàng do quá trình phong hóa nào sau đây hình thành?
 A. Lý học. B. Hóa học. C. Sinh học. D. Sinh - lý học.
- Câu 51:** Từ xích đạo về cực có
 A. nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.
 B. biên độ nhiệt độ năm tăng, nhiệt độ trung bình năm tăng.
 C. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời tăng, nhiệt độ hạ thấp.
 D. nhiệt độ hạ thấp, biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm.
- Câu 52:** Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là

A. năng lượng bức xạ Mặt Trời.

C. từ các vụ phun trào của núi lửa.

B. nhiệt bên trong lòng đất tỏa ra.

D. năng lượng từ phản ứng hóa học.

Câu 53 Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm vì

A. không khí càng loãng, bức xạ mặt đất càng mạnh.

B. bức xạ mặt đất càng mạnh, mật độ khí càng đậm.

C. mật độ khí càng đậm, bức xạ mặt đất càng yếu.

D. bức xạ mặt đất càng yếu, không khí càng loãng.

Câu 54 : Nhiệt lượng Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất luôn thay đổi theo vĩ độ là do

A. góc chiếu của tia bức xạ thay đổi.

B. mặt đất nhận nhiệt nhanh chóng.

C. mặt đất tỏa nhiệt nhanh chóng.

D. mặt đất bức xạ mạnh khi lên cao.

Câu 55 : Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo lục địa và đại dương?

A. Lục địa có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.

B. Lục địa có nhiệt độ trung bình năm thấp nhất.

C. Biên độ nhiệt năm ở lục địa nhỏ.

D. Biên độ nhiệt năm ở đại dương nhỏ.

Câu 56: Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi của biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí trên Trái Đất (°C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Bán cầu Bắc	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0
Bán cầu Nam	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

Nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí?

A. Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

B. Càng về xích đạo, biên độ nhiệt độ năm càng tăng.

C. Biên độ nhiệt năm ở các vĩ độ bán cầu Bắc nhỏ hơn bán cầu Nam.

D. Biên độ nhiệt năm ở vĩ độ thấp lớn hơn ở vĩ độ cao.

Câu 57: Cho bảng số liệu:

Biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa (°C)

Biến trình đại dương, đảo Hêbrit (57°32' B)			Biến trình lục địa, Kirren (57°47' B)		
Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ	Tháng lạnh nhất	Tháng nóng nhất	Biên độ
3 (5°C)	8 (12,8°C)	7,8°C	1 (-27,3°C)	7 (18,6°C)	45,9°C

Nhận xét nào sau đây đúng về biến trình nhiệt độ không khí trên đại dương và lục địa?

A. Đại dương có biên độ nhiệt độ năm cao hơn lục địa.

B. Đại dương có trị số tháng lạnh nhất cao hơn lục địa.

C. Đại dương có trị số tháng nóng nhất cao hơn lục địa.

D. Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất ở đại dương lớn hơn lục địa.

Câu 58: Khi ở chân núi nhiệt độ không khí là 32°C đến độ cao 2500m thì nhiệt độ ở đỉnh núi lúc đó là

A. 10°C.

B. 17°C.

C. 19°C.

D. 20°C.

Câu 59 : Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa vì

A. Đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

B. Bề mặt lục địa trồi lên nhận nhiều nhiệt hơn đại dương.

C. Nước hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt chậm hơn đất đá.

D. Nhiệt độ trung bình của lục địa lớn hơn đại dương.

Câu 60 : Vào mùa hạ nước ta, dải hội tụ nhiệt đới gây mưa cho nhiều vùng được hình thành do sự tiếp xúc của 2 khối khí

- A. ôn đới hải dương và chí tuyến hải dương.
C. chí tuyến hải dương và xích đạo.

- B. chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa.
D. xích đạo của cả hai bán cầu.

ÔN TẬP CUỐI HKI

Câu 1. Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

- A. Xích đạo, chí tuyến. B. Chí tuyến, ôn đới. C. Ôn đới, xích đạo. D. Cực, chí tuyến.

Câu 2. Khí áp tăng khi

- A. nhiệt độ giảm. B. nhiệt độ tăng. C. độ cao tăng. D. khô hạn giảm.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng với sự thay đổi của khí áp?

- A. Không khí càng loãng, khí áp giảm. B. Độ ẩm tuyệt đối lên cao, khí áp tăng.
C. Tỷ trọng không khí giảm, khí áp tăng. D. Không khí càng khô, khí áp giảm.

Câu 4. Tính chất của gió Mậu dịch là

- A. nóng ẩm. B. khô. C. lạnh khô. D. ẩm.

Câu 5. Đặc điểm của gió mùa là

- A. hướng gió thay đổi theo mùa. B. tính chất không đổi theo mùa.
C. nhiệt độ các mùa giống nhau. D. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

Câu 6. Các loại gió nào sau đây có phạm vi địa phương?

- A. Gió Tây ôn đới, gió phơn. B. Gió Đông cực; gió đất, biển.
C. Gió đất, biển; gió phơn. D. Gió Mậu dịch; gió mùa.

Câu 7. Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa là

- A. khí áp, frông, gió, địa hình, thổ nhưỡng. B. khí áp, frông, gió, dòng biển, địa hình.
C. khí áp, frông, gió, địa hình, sông ngòi. D. khí áp, frông, gió, dòng biển, sinh vật.

Câu 8. Các khu khí áp thấp có nhiều mưa là do

- A. Luôn có gió từ trung tâm thổi đi. B. Luôn có gió quanh rìa thổi ra ngoài.
C. Không khí ẩm được đẩy lên cao. D. Không khí ẩm không được bốc lên.

Câu 9. Các nhân tố làm cho vùng xích đạo có mưa rất nhiều là

- A. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển nóng. B. áp thấp, dải hội tụ nhiệt đới, dòng biển lạnh.
C. dải hội tụ nhiệt đới, frông nóng, gió Mậu dịch. D. dải hội tụ nhiệt đới, các núi cao, gió Mậu dịch.

Câu 10. Các đới khí hậu nào sau đây thuộc môi trường đới ôn hoà?

- A. Nhiệt đới, ôn đới. B. Ôn đới, cận nhiệt. C. Cận nhiệt, cực. D. Cận cực, ôn đới.

Câu 11. Kiểu khí hậu gió mùa chỉ có ở các đới khí hậu

- A. cận cực, ôn đới. B. cận nhiệt, nhiệt đới. C. nhiệt đới, xích đạo. D. xích đạo, cận nhiệt.

Câu 12. Kiểu khí hậu địa trung hải chỉ có ở đới khí hậu

- A. nhiệt đới. B. cận nhiệt. C. cận cực. D. ôn đới.

Câu 13. Đặc điểm chung của kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa là có

- A. hai mùa khô, mưa trong năm tương phản nhau.
B. trị số nhiệt độ trung bình năm vào khoảng 15°C.
C. lượng mưa trung bình năm vào khoảng 1400 mm.
D. hướng gió giữa hai mùa trong năm tương tự nhau.

Câu 14. Đặc điểm nổi bật của kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải là

- A. có mưa lớn quanh năm. B. mưa nhiều vào thu đông.
C. mùa xuân có mưa rất ít. D. thời gian mùa mưa ngắn.

Câu 15. Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển.
C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.
D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

Câu 16. Nước trên lục địa gồm nước ở

- A. trên mặt, nước ngầm. B. trên mặt, hơi nước. C. nước ngầm, hơi nước. D. băng tuyết, sông, hồ.

Câu 17. Nguồn gốc hình thành băng là do

- A. nhiệt độ hạ thấp ở những nơi núi cao có nguồn nước ngọt.

- B. tuyết rơi trong thời gian dài, nhiệt độ thấp không ổn định.
 C. tuyết rơi ở nhiệt độ thấp, tích tụ và nén chặt thời gian dài.
 D. nước ngọt gặp nhiệt độ rất thấp, tích tụ trong nhiều năm.
- Câu 18.** Tổng lượng nước sông chịu tác động chủ yếu của các nhân tố là
 A. lượng mưa, băng tuyết, nước ngầm. B. lượng mưa, băng tuyết, các hồ đầm.
 C. nước ngầm, địa hình, các hồ đầm. D. nước ngầm, địa hình, thảm thực vật.
- Câu 19.** Ở miền khí hậu nóng, nhân tố chủ yếu tác động đến chế độ nước sông là
 A. nước ngầm. B. chế độ mưa. C. địa hình. D. thực vật.
- Câu 20.** Sông nào sau đây nằm trong khu vực ôn đới lạnh?
 A. Nin. B. I-ê-nit-xây. C. A-ma-dôn. D. Mê Công.
- Câu 21.** Độ muối trung bình của nước biển là
 A. 33 ‰. B. 34 ‰. C. 35 ‰. D. 36 ‰.
- Câu 22.** Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng
 A. xích đạo. B. chí tuyến. C. cực. D. ôn đới.
- Câu 23.** Phát biểu nào sau đây đúng về mối quan hệ giữa độ muối và khối lượng riêng của nước biển?
 A. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng càng lớn. B. Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng nhỏ.
 C. Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng lớn. D. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng càng lớn.
- Câu 24.** Nhiệt độ trung bình của đại dương thế giới là
 A. 15,5°C. B. 16,5°C. C. 17,5°C. D. 18,5°C.
- Câu 25.** Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng
 A. thấp. B. cao. C. tăng. D. không thay đổi.
- Câu 26.** Nguyên nhân gây ra thủy triều là do
 A. sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời. B. sức hút của hành tinh ở thiên hà.
 C. hoạt động của các dòng biển lớn. D. hoạt động của núi lửa, động đất.
- Câu 27.** Nguyên nhân sinh ra các dòng biển trên các đại dương thế giới chủ yếu là
 A. sức hút của Mặt Trăng. B. sức hút của Mặt Trời.
 C. các loại gió thường xuyên. D. địa hình các vùng biển.
- Câu 28.** Ở vùng chí tuyến, bờ tây lục địa có khí hậu
 A. ẩm, mưa nhiều. B. khô, ít mưa. C. lạnh, ít mưa. D. nóng, mưa nhiều.
- Câu 29.** Nơi nào sau đây có khí hậu ẩm, mưa nhiều?
 A. Bờ đông đại dương ở vùng ôn đới. B. Bờ tây đại dương ở vùng ôn đới.
 C. Bờ tây lục địa ở vùng chí tuyến. D. Bờ đông lục địa ở vùng ôn đới.
- Câu 30.** Đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất
 A. tơi xốp ở bề mặt lục địa. B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
 C. mềm bờ ở bề mặt lục địa. D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.
- Câu 31.** Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho
 A. sinh vật. B. động vật. C. thực vật. D. vi sinh vật.
- Câu 32.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?
 A. Khí hậu. B. Sinh vật. C. Địa hình. D. Đá mẹ.
- Câu 33.** Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có
 A. toàn bộ sinh vật sinh sống. B. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.
 C. toàn bộ động vật và vi sinh vật. D. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.
- Câu 34.** Phát biểu nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?
 A. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
 B. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
 C. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
 D. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.
- Câu 35.** Khoảng vài chục mét ở phía trên bề mặt đất là có thực vật sinh sống, do có
 A. ánh sáng, khí, nước, chất dinh dưỡng. B. ánh sáng, khí, nguồn nước, nhiệt độ.
 C. chất dinh dưỡng, không khí và nước. D. chất dinh dưỡng, nước và ánh sáng.
- Câu 36.** Yếu tố nào sau đây **không** có tác động trực tiếp tới sự phát triển và phân bố sinh vật?
 A. Khí hậu. B. Con người. C. Địa hình. D. Đá mẹ.
- Câu 37.** Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc vào môi trường đới lạnh?
 A. Đài nguyên. B. Rừng lá kim. C. Thảo nguyên. D. Rừng lá rộng.

Câu 38. Nhóm đất feralit đỏ vàng phân bố ở khu vực có kiểu khí hậu

A. nhiệt đới gió mùa. B. cận nhiệt lục địa. C. nhiệt đới lục địa. D. cận nhiệt gió mùa.

Câu 39. Nhân tố sinh học quyết định đối với sự phát triển và phân bố của động vật là

A. nhiệt độ. B. độ ẩm. C. thức ăn. D. lượng mưa.

Câu 40. Vỏ địa lí là vỏ

A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.

B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.

D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

Câu 41. Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do

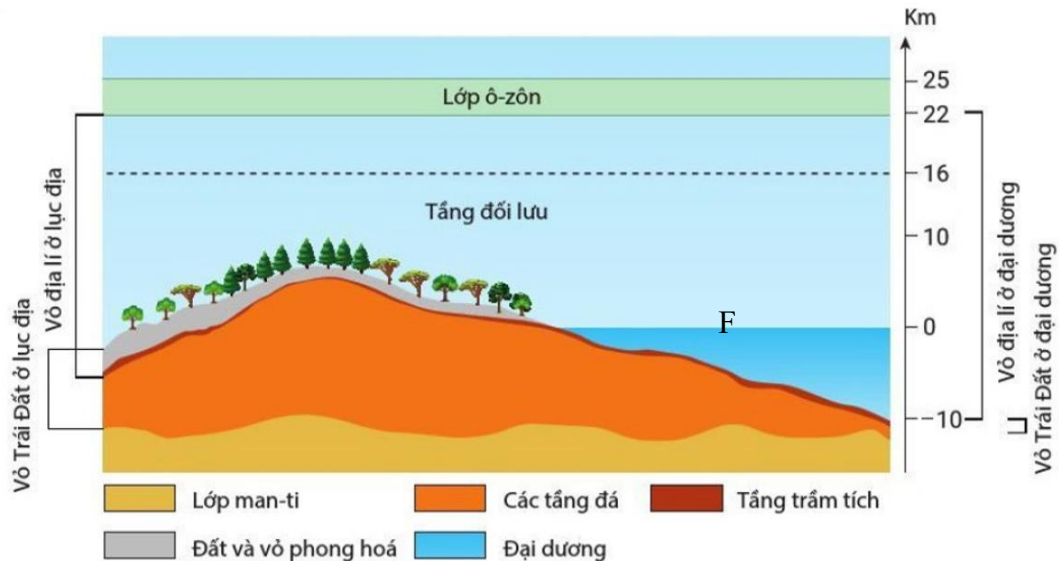
A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.

B. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.

C. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.

D. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.

Câu 42. Theo hình:



Hình 14.1. Vỏ địa lí của Trái Đất

Kí hiệu F dùng để chỉ

A. đất và vỏ phong hoá. B. tầng trầm tích. C. tầng granit. D. tầng badan.

Câu 43. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

A. mối quan hệ lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên. B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.

C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ. D. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

Câu 44. Nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm $+20^{\circ}\text{C}$ của hai bán cầu là vòng đai

A. nóng. B. ôn hòa. C. lạnh. D. băng giá vĩnh cửu.

Câu 45. Biểu hiện rõ nhất của quy luật đai cao là sự phân bố theo độ cao của

A. đất và thực vật. B. thực và động vật. C. động vật và đất. D. đất và vi sinh vật.

Câu 46. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo địa hình?

A. Càng lên cao, nhiệt độ càng giảm. B. Nhiệt độ thay đổi theo hướng sườn núi.

C. Nhiệt độ sườn phơi cao hơn sườn khuất. D. Càng lên cao, biên độ nhiệt độ càng lớn.

Câu 47. Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

A. sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

B. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

C. các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

D. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

Câu 48. Biện pháp chủ yếu nhất để làm giảm tác hại của lũ trên các sông miền núi là gì?

A. Đập đập ngăn chặn dòng chảy. B. Xây dựng nhiều nhà máy thủy điện.

C. Trồng rừng phòng hộ đầu nguồn.

D. Thường xuyên nạo vét lòng sông.

Câu 49. Nước ngầm trên lục địa phân bố không đều chủ yếu là do tác động của các nhân tố nào?

A. Nhiệt độ và bốc hơi khác nhau; địa hình mặt dốc; cấu tạo của đất đá.

B. Nước mưa, nước băng, tuyết tan; lượng bốc hơi nhiều hay ít; địa hình.

C. Nguồn cung cấp nước; địa hình; cấu tạo của đất đá; lớp phủ thực vật.

D. lớp phủ thực vật khác nhau; mặt đất bằng phẳng nên nước thấm nhiều.

Câu 50. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ảnh hưởng của khí hậu tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Mỗi loài cây thích nghi với một giới hạn nhiệt nhất định.
- B. Thực vật sinh trưởng nhờ đặc tính lí, hoá, độ phì của đất.
- C. Sinh vật phát triển tốt trong môi trường tốt về nhiệt, ẩm.
- D. Cây xanh nhờ ánh sáng để thực hiện quá trình quang hợp.

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1. Cho bảng số liệu:

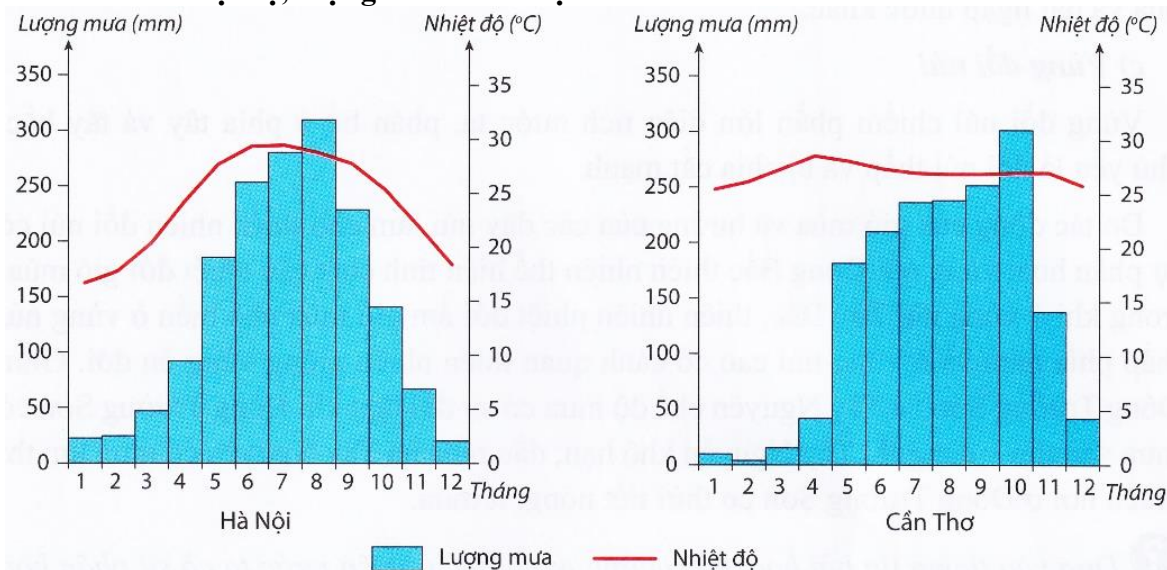
Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Nam (Đơn vị: °C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	24,7	19,3	10,4	5,0	2,0	-10,2	-50,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	5,9	7,0	4,9	4,3	11,8	19,5	28,7

Theo bảng số liệu trên nhận định nào sau đây là đúng, nhận định nào là sai?

- a) Nhiệt độ trung bình năm giảm liên tục từ xích đạo về cực.
- b) Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.
- c) Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực.
- d) Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực.

Câu 2. Cho biểu đồ **nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ:**



Theo biểu đồ trên nhận định nào sau đây là đúng, nhận định nào là sai?

- a) Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.
- b) Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.
- c) Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20°C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.
- d) Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.

Câu 3. Cho thông tin sau, lựa chọn đáp án đúng sai cho câu trả lời bên dưới:

Hang Sơn Đoòng là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới đã biết, nằm tại xã Tân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam. Hang Sơn Đoòng nằm trong quần thể hang động Phong Nha – Kẻ Bàng và là một phần của hệ thống ngầm nối với hơn 150 động khác ở Việt Nam gần biên giới với Lào.

Cho biết nhận định nào sau đây đúng, nhận định nào sai?

- a) Hang động thường xuất hiện ở những nơi có đá vôi.
- b) Hang Sơn Đoòng là sản phẩm của quá trình ngoại lực.
- c) Hang động là một trong những biểu hiện của địa hình vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

d) Phong hoá vật lí là quá trình chủ đạo tạo ra hang động.

Câu 4. Cho thông tin sau:

“Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần của toàn bộ cũng như của mỗi bộ phận lãnh thổ trong vỏ địa lí.

Mỗi thành phần và lãnh thổ địa lí đều chịu tác động đồng thời trực tiếp hoặc gián tiếp của nguồn năng lượng bức xạ mặt trời và các nguồn năng lượng bên trong trái đất. Tuy chúng có quá trình phát sinh và phát triển riêng nhưng luôn chịu ảnh hưởng và tác động lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau tạo nên một thể thống nhất và hoàn chỉnh.”

Cho biết nhận định nào sau đây đúng, nhận định nào sai?

- a) Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ riêng từng thành phần.
- b) Khi một thành phần thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các thành phần khác và toàn bộ lãnh thổ.
- c) Để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.
- d) Chặt phá rừng bừa bãi không chỉ ảnh hưởng đến sinh quyển mà còn ảnh hưởng đến các quyển khác của lớp vỏ địa lí.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh do miền Bắc chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc - nhân tố phi địa đới làm cho nhiệt độ hạ thấp vào mùa đông.

Cho biết nhận định nào sau đây đúng, nhận định nào sai?

- a) Miền Bắc nằm trong đới khí hậu nhiệt đới.
- b) Mọi nơi ở miền Bắc có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh.
- c) Mùa đông lạnh ở miền Bắc là do gió Mậu Dịch.
- d) Thiên nhiên miền Bắc chịu chi phối bởi hai quy luật địa đới và phi địa đới.

III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1. Biết rằng bản đồ có tỉ lệ là 1 : 3 000 000. Hãy cho biết 1 cm trên bản đồ tương ứng với bao nhiêu km ngoài thực địa. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của km)

Câu 2. Khi Luân Đôn là 0 giờ ngày 20 - 11 - 2021 thì Xơ-un (Hàn Quốc) là mấy giờ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của h)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021 (đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính **biên độ** nhiệt năm tại Lạng Sơn (làm tròn đến hàng đơn vị của °C)

Câu 4. Dựa vào bảng số liệu sau:

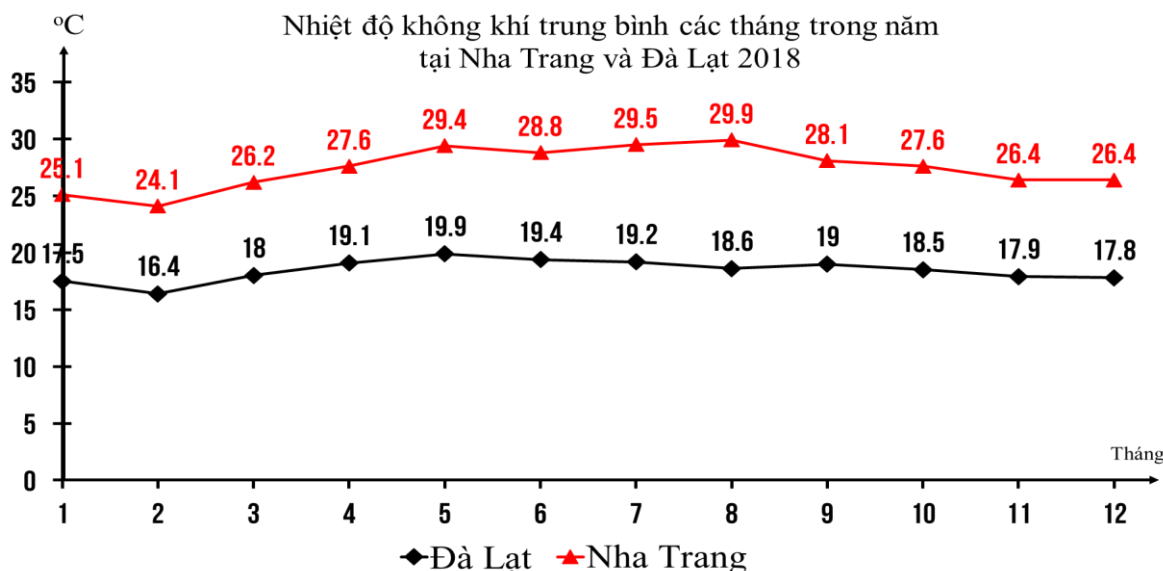
Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)
Hà Nội	16,4	28,9
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy tính **biên độ** nhiệt năm của Hà Nội. (làm tròn đến hàng đơn vị của °C)

Câu 5. Tại độ cao 1000m trên dãy núi Cap-ca có nhiệt độ là 34°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở cùng sườn đón gió trên độ cao 2500m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).

Câu 6. Cho biểu đồ



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhiệt độ trung bình năm tại Nha Trang là bao nhiêu? (làm tròn kết quả đến hàng số thập phân thứ nhất của $^{\circ}\text{C}$).

Câu 7. Cho bảng số liệu: **Lượng mưa các tháng tại Huế năm 2021** (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	190,3	61,1	112,4	68,6	1,7	32,0	27,0	52,6	535,6	1438,3	825,9	490,5

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Tính tổng lượng mưa năm tại Huế là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng số thập phân thứ nhất của mm).

Câu 8. Cho bảng số liệu: **Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại Hà Nội** (Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1040	885	765	889	480	3510	5590	6660	4990	3100	2199	1370

Căn cứ vào bảng số liệu trên, đỉnh lũ Sông Hồng rơi vào tháng mấy?

Câu 9. Nhiệt độ nước biển ở vùng đới nóng (28°C), gấp nhiệt độ nước biển ở đới ôn đới (15°C) bao nhiêu lần? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

Câu 10. Vùng chí tuyến, biển có độ mặn $36,8\text{‰}$, cao hơn vùng gần cực có độ mặn 34‰ là bao nhiêu ‰ ?

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất?

Câu 2. Trình bày thời gian hoạt động, nguồn gốc hình thành, hướng và tính chất của gió mùa.

Câu 3. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.

Câu 4. Trình bày sự chuyển động của dòng biển trên các đại dương.

Câu 5. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật.

*** Thực hành: Tính toán:** Tính nhiệt độ TB năm, tính biên độ nhiệt năm, độ cao của dãy núi...

===== HẾT =====